TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST Ngày: 05-6-2020 Về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn B (P), sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Chị Trịnh Kim T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án anhNguyễn Văn B trình bày*:

Về hôn nhân: Anh và chị Trịnh Kim T chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau hay xảy ra cự cải, bất đồng quan điểm nên hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Gia đình hai bên

có hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Trịnh Kim T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 02 người con chung gồm tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 07/4/2004 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 11/10/2006. Hiện các con đang sống chung với anh chị. Sau khi ly hôn con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trịnh Kim T trình bày*:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ 2-3 năm nay anh B thường xuyên đi chơi đêm đến khuya mới về, khi về thì nói chuyện điện thoại mà không rõ là nói với ai mặc dù có khuyên ngăn nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, từ đó mà vợ chồng thường xảy ra cự cải. Nay anh B yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về nuôi con chung: Chị và anh B có 02 người con chung tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 07/4/2004 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 11/10/2006. Hiện các con đang sống chung với anh chị. Sau khi ly hôn con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B khởi kiện xin ly hôn với chị Trịnh Kim T địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn B và chị Trịnh Kim T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng không đăng ký theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh B và chị T là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Do đó, không công nhận anh Nguyễn Văn B và chị Trịnh Kim T là vợ chồng.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Trịnh Kim T có 02 người con chung tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 07/4/2004 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 11/10/2006 hiện nay đang chung sống với anh B và chị T. Anh B và chị T xác định

sau khi ly hôn con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi. Tại đơn nguyện vọng ngày 19/5/2020, cháu Nguyễn Bảo T1 có nguyện vọng được ở với chị T giao người con chung tên Nguyễn Bảo T1 cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của con chung. Tại đơn nguyện vọng ngày 19/5/2020, người con chung tên Nguyễn Minh P có nguyện vọng được ở với anh B nên tiếp tục giao người con chung tên Nguyễn Minh P cho anh B trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn B và chị Trịnh Kim T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24 tháng 4 năm 2020, anh B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006129 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm anh Nguyễn Văn B và chị Trịnh Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn B và chị Trịnh Kim T là vợ chồng.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 07/4/2004 cho chị Trịnh Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn B không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này nhưng anh

B không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị T.

Giao người con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 11/10/2006 cho chị anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trịnh Kim T không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này nhưng chị T không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh B.

Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24 tháng 4 năm 2020, anh B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006129 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm anh Nguyễn Văn B và chị Trịnh Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi